

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 12-07-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO , THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 04 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/HSST-QĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị H; có vợ là Vũ Thị H1 và 02 con. Tiền sự, tiền án: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22-10-2018 đến nay; có mặt.

2. Đặng Thị Hồng T, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1984 tại Hà Tây. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27/118 HK, phường HK, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Lưu T1 và bà Vũ Thị T2; có chồng là Nguyễn Gia H và 02 con; tiền sự, tiền án: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22-10-2018 đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trọng Đ; nơi cư trú: Thôn LH , xã TĐ , huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T3; vắng mặt; ông Nguyễn Huy C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15-10-2017 Nguyễn Trọng Đ đến nhà Nguyễn Văn H ở cùng thôn, bảo H bán cho các số đề 00, 01, 02, 03, 04 với mỗi số là 40.000 đồng, tổng cộng là 200.000 đồng. H đồng ý bán cho Đ 05 số đề này bằng cách ghi ngày, tháng các số đề, số tiền mà Đ đã mua và ký tên của mình vào 01 mảnh giấy nhỏ gọi là tích kê rồi đưa cho Đ giữ. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đặng Thị Hồng T là người quen của Đ đã nhờ Đ đưa đến nhà H để mua các số đề, số ba càng. Khi đến, Đ đứng ở ngoài đường, không biết việc T và H mua bán các số đề, số ba càng cụ thể thế nào. T vào trong nhà H bảo H bán cho 02 số ba càng là 476 và 185 với mỗi con số là 250.000 đồng, tổng cộng là 500.000 đồng. H ghi vào một tờ tích kê khác như đã cách thức đã bán cho Đ trước đó và đưa cho T giữ. Lúc sau, T đi xe ôm của một người không quen biết quay lại nhà H tiếp tục mua các số ba càng là 746, 531, 625 mỗi số 300.000 đồng, số 089 là 100.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000 đồng. H đồng ý và tiếp tục bán cho T các số ba càng này nhưng không ghi và đưa ngay cho T tờ tích kê mà đi đâu một lúc mới quay về đưa cho T 01 tờ tích kê có ghi ngày, tháng mua bán, chữ ký của người bán 04 số ba càng này. Tuy nhiên, T không biết H đi đâu làm gì và tích kê đó do ai viết. Khoảng 18 giờ 30 phút, cùng ngày sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày, T so sánh thì thấy số ba càng 185 mua của H trúng được 100.000.000 đồng nên đã đến nhà H đưa tờ tích kê để lấy tiền. H thừa nhận tờ tích kê là chữ của H và đã đưa cho T giữ, nhưng H cho rằng T không trúng số 185 nên không trả tiền cho T vì T không mua số ba càng 185 mà mua số ba càng 358, H ghi cho T vào tờ tích kê này là số 358, còn số 185 trong tờ tích kê mà H đã ghi cho T đã bị tẩy xóa, sửa chữa từ số 358, viết lại thành số 185. T cho rằng tờ tích kê này do H trực tiếp viết rồi đưa cho T giữ, không có sự tẩy, xóa sửa chữa gì. T và H xảy ra tranh cãi, sự việc sau đó được trình báo lên Công an xã TĐ và Công an huyện VB để điều tra, xác minh làm rõ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ số, chữ viết trên tờ tích kê mà H trực tiếp ghi, đưa cho T , kết quả:

Bản kết luận số 99/KL ngày 21-11-2017 của Phòng hình sự Công an thành phố Hải Phòng đối với Quyết định trưng cầu giám định số 93/QĐ ngày 26-10-2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã kết luận: *“Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định không bị tẩy xóa. Tài liệu cần giám định không bị cắt ghép. Chữ viết trên tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng trên các tài liệu mẫu so sánh là chữ viết của cùng một người. Chữ ký không ghi họ tên dưới chữ “tổng = 500” so với chữ ký của Nguyễn Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh không đủ cơ sở kết luận chữ ký của cùng một người”*

Bản kết luận giám định số 4275/C09-P5 ngày 15-10-2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an theo QĐ trưng cầu giám định lại số 77/QĐ ngày 02-8-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã kết luận *“...5.1 Các chữ cần giám định trên mẫu ký hiệu A không bị tẩy xóa. 5.2 Mẫu cần giám định ký hiệu A không bị cắt ghép. 5.3 Chữ viết chữ số, chữ ký cần giám định trên mẫu ký hiệu A so với chữ viết, chữ số, chữ ký của Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M13 do cùng một người viết và ký ra ”*

Tại Bản kết luận giám định số 14/KLGĐ ngày 22-02-109 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: *“....Chữ viết và chữ ký không ghi họ tên tại mặt sau trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) là chữ viết, chữ ký của cùng một người. Chữ viết và chữ ký không ghi họ tên tại mặt sau tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết, chữ ký của Đoàn Thị H1 sinh năm 1974, nơi sinh TĐ, VB, Hải Phòng trên cá tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) là không đủ cơ sở đánh giá kết luận chữ viết, chữ ký của cùng một người. Chữ viết, chữ ký không ghi họ tên tại mặt sau tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) không bị tẩy xóa, cắt ghép...”*

Ngoài ra H, T, Đ còn khai nhận việc mua bán các số đề, số ba càng với nhau là lần đầu tiên và cách thức tính trúng các số đề, số ba càng và tỷ lệ trúng như sau: Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày, T và Đ sẽ so sánh các số đề, số ba càng được ghi trong những tờ tích kê của mình với giải đặc biệt của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc để biết được mình có trúng hay không và nếu trúng thì sẽ được bao nhiêu tiền. Theo quy ước nếu trong 05 số đề mà Đ đã mua trên mà có một số đề nào trùng với 02 số cuối cùng lần lượt theo thứ tự ở hàng chục và hàng đơn vị của giải đặc biệt thì trúng và tỷ lệ trúng là 1 được 80 lần. Còn nếu trong các số ba càng mà T đã mua có số ba càng nào trùng với 03 số cuối cùng lần lượt theo thứ tự ở hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị của giải đặc biệt thì trúng và tỷ lệ trúng là 1 được 400 lần

Theo cách thức nêu trên, trong ngày 15-10-2017, H đã bán cho Đ và T tổng số tiền đề và số tiền ba càng là 1.700.000 đồng, trong đó T mua của H số ba càng là 1.500.000 đồng, Đ mua của H số đề là 200.000 đồng. Căn cứ vào kết quả

số số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào ngày 15-10-2017 do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số Hải Phòng, Chi nhánh huyện VB, thành phố Hải Phòng cung cấp thì giải đặc biệt của ngày 15-10-2017 là dãy số 30185. Do đó, trong các số đề, số ba càng mà T và Đ mua của H thì chỉ có T trúng số ba càng 185 với số tiền trúng theo tỷ lệ là 250.000 đồng x 400 lần = 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, H chưa trả tiền cho T số tiền trúng số ba càng này.

Với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 14-02-2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã ra Quyết định khởi tố vụ án, ngày 22-10-2018 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H và Đặng Thị Hồng T về tội Đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn H còn khai: Sau khi bán được 05 số đề cho Đ và 02 số ba càng lần thứ nhất cho T, H ghi tất cả các số đề và số ba càng mà Đ và T mua chung 01 mảnh giấy nhỏ để lưu lại cho mình. Sau đó H mới đi sang nhà Đoàn Thị H1 sinh năm 1974 ở cùng thôn rồi trực tiếp chuyển hết các số này cùng số tiền bán được cho Hạnh. Đồng thời H cũng mua riêng cho mình số lô (bao) xiên gồm 04 số 07, 44, 32 và 21 với số tiền là 20.000 đồng. Sau đó H1 ghi ngày tháng các số đề, số ba càng và lô xiên 4 cùng số tiền mà cả H, T, Đ đã mua chung 01 tờ tích kê và ký tên của H1 rồi đưa cho H giữ. Tương tự như vậy, sau khi bán được 04 số ba càng lần thứ 2 cho T thì H ghi riêng vào tờ giấy nhỏ khác để lưu lại cho mình và cũng chuyển cho Hạnh. Sau đó H1 cũng ghi riêng 01 tờ tích kê rồi đưa cho H cầm, H đưa cho T giữ. Trong quá trình H chuyển các số đề, số ba càng cho H1 và H1 ghi các tích kê đưa cho H đều không có người nào biết, chứng kiến.

Đối với tờ tích kê có ghi số ba càng 476 và 185 mà H đưa cho T, H thừa nhận đúng là chữ viết, chữ ký của H nhưng có sự tẩy, xóa, sửa chữa từ số 358 thành 185, H không bán số 185 cho T nên không đồng ý với bản kết luận giám định số 4275/C09-P5 ngày 15-10-2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, H đề nghị giám định lại tờ tích kê này. Đặng Thị Hồng T khẳng định có mua 02 số ba càng là 476 và 185 của Nguyễn Văn H do H viết trực tiếp, đưa cho T.

Đoàn Thị H1 không thừa nhận đã nhận các số đề và số ba càng do H chuyển đến. Đồng thời căn cứ vào bản kết luận giám định số 14/KLGD ngày 22-02-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng thì không đủ cơ sở kết luận 01 tờ tích kê có ghi 05 số đề là 00, 01, 02, 03, 04; 02 số ba càng là 476 và 358; 01 số lô xiên 4 gồm các số 07, 44, 32, 21 cùng 01 tờ tích kê có ghi 04 số ba càng là 089, 531, 625 và 746 là chữ ký, chữ viết của Hạnh. Hơn nữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã áp dụng các biện pháp điều tra để lấy thêm mẫu chữ viết, chữ ký, chữ số của H1 phục vụ cho giám định tiếp nhưng không thực hiện được vì H1 không có mặt tại địa phương. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý theo đúng quy định.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 26 tháng 3 năm 2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB đã truy tố Nguyễn Văn H và Đặng Thị Hồng T về tội Đánh bạc điểm b khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H và Đặng Thị Hồng T đều khai nhận và khẳng định: Vào chiều ngày 15-10-2017 H và T đã cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh số đề, số ba càng được thua bằng tiền với nhau và với người khác qua giải số số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày. Trong đó, H đã trực tiếp bán cho T số ba càng 476 và 185 mỗi số 250.000 đồng, số ba càng 089, 531, 625 mỗi số 300.000 đồng, số 746 là 100.000 đồng, tổng là 1.500.000 đồng. Ngoài ra, H bán cho Đ các số đề 00, 01, 02, 03, 04, mỗi số 40.000 đồng, tổng là 200.000 đồng. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi có kết quả mở thưởng số số miền Bắc, T biết mình trúng số ba càng 185 được 100.000.000 đồng và đến nhà H lấy tiền trúng thưởng, H không trả tiền cho T thì xảy ra mâu thuẫn. H khẳng định chữ viết, chữ số của số ba càng 185 là do H viết đưa cho T và không bị tẩy, xóa gì. Đồng thời khẳng định bản kết luận giám định chữ viết, chữ số của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng là hoàn toàn khách quan đúng quy định của pháp luật. Do đó, H không có ý kiến gì đối với các bản kết luận giám định này

Kết thúc phân xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố Nguyễn Văn H và Đặng Thị Hồng T về tội Đánh bạc theo điểm b, khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 248, Điều 60, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53 BLHS năm 1999 đối với cả hai bị cáo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo H, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T đồng phạm tội Đánh bạc, đề nghị xử phạt H mức án từ 30 đến 36 tháng tù, xử phạt T từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung: Phạt mỗi bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo H 1.700.000 đồng là số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh số đề, ba càng mà H đã tự nguyện nộp lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật:

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đã trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật áp dụng: Hành vi Đánh bạc của các bị cáo xảy ra vào ngày 15-10-2017 trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Tội phạm quy định tại Điều 248 BLHS năm 1999 có hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại Điều 321 BLHS năm 2015. Căn cứ Điều 7 BLHS năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 thì áp dụng BLHS năm 1999 để xét xử đối với hành vi Đánh bạc xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01-01-2018.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VB , Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo H cho rằng bản kết luận giám định số 4275/C09-P5 ngày 15-10-2018 của Viện khoa học hình sự Bộ an chưa đầy đủ nên đề nghị giám định lại, còn bị cáo T không có ý kiến gì. Tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến gì về việc này, không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T là rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được và bản kết luận giám định có đủ cơ sở kết luận: Vào chiều ngày 15-10-2017 Nguyễn Văn H và Đặng Thị Hồng T cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số đề, số ba càng được thua bằng tiền qua giải số số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày, trong đó Nguyễn Văn H là người bán số số đề, số ba càng, Đặng Thị Hồng T là người mua số đề, số ba càng trái phép. Số tiền bị cáo H bán số đề, số ba càng là 1.700.000 đồng và số tiền trúng số ba càng 185 đã bán cho T là 100.000.000 đồng, tổng là 101.700.000 đồng, số tiền Đặng Thị Hồng T mua số ba càng là 1.500.000 đồng và số tiền trúng số ba càng 185 đã mua của H là 100.000.000 đồng, tổng là 101.500.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T đồng phạm tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây mất trật tự trị an, xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[5] Về vai trò: Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên trong vụ án này, Nguyễn Văn H là người bán số đề, số ba càng và là người sử dụng số tiền lớn hơn bị cáo Đặng Thị Hồng T để đánh bạc, do đó H phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T .

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (nay là điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015). Bị cáo Nguyễn Văn H có bố được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.700.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện VB . Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo H được hưởng thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015). Trên cơ sở đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều là những người phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo, cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng Điều 30, khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 phạt mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

[8] Đối với hành vi của Nguyễn Trọng Đ: Chiều ngày 15-10-2017, Đ có hành vi mua số đề của Nguyễn Văn H và dẫn T đến mua số ba càng của H . Tuy nhiên Đ chưa có tiền án, tiền sự, số tiền dùng đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặt khác, khi đưa T đến nhà H để mua số ba càng, Đ chỉ đứng ngoài, không biết việc mua bán cụ thể thế nào và Đ cũng không được hưởng lợi gì. Do đó, Cơ quan Công an huyện VB đã ra quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Nguyễn Trọng Đ là phù hợp.

[9] Quá trình điều tra Nguyễn Văn H khai đã chuyển các số đề, số ba càng cho Nguyễn Thị H1 ở cùng thôn. Tuy nhiên H1 không thừa nhận đã nhận các số đề, số ba càng của H , mặt khác quá trình giám định các tờ tích kê mà theo H khai báo là chữ viết, chữ ký của Đoàn Thị H1 thì không có đủ cơ sở khẳng định là chữ viết, chữ ký của Đoàn Thị Hạnh. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã tách ra để xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ thì sẽ xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ một số tích kê ghi các số đề, số ba càng do các bị cáo giao nộp, tài liệu này đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Số tiền bị cáo H có được do bán các số đề, số ba càng trái phép là 1.700. 000 đồng, bị cáo đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu số AA/2010/8128 ngày 10 tháng 7 năm 2019. Do đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T đồng phạm tội Đánh bạc.

1.1. Về hình phạt:

Căn cứ Điều 7 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn H; xử phạt:

Nguyễn Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 60 (Sáu mươi) tháng. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã TĐ , huyện VB , thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục.

Đặng Thị Hồng T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án.

Giao Đặng Thị Hồng T cho Ủy ban nhân dân phường HK , quận LC , thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

1.2 Căn cứ Điều 30, khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 phạt Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; xử: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn H. Bị cáo H đã nộp 1.700.000

đồng (Một triệu, bảy trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VB , thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số AA/2010/8128 ngày 10 tháng 7 năm 2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Hồng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng (PV27, PC 81);
- Công an huyện VB ;
- Chi Cục THADS huyện VB ;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền